

Bản án số: 206/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 28 tháng 3 năm 2025

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phan Anh

Ông Lê Bá Lung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: Bà Phạm Thanh Thúy –
Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 913/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1996**

Nơi ĐKKHKT: Số B ngõ A MK M, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số A ngõ I đường H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn: Chị Cao Thu N, sinh năm 2000**

Nơi ĐKKHKT: Tổ 32A, Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số B ngách C ngõ A T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Tuyết Y, sinh năm 1972**

Nơi ĐKKHKT: Số F M, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số C ngõ H, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dũng và chị Cao Thu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND phường M, quận H, Hà Nội ngày 27/12/2019.

Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: có nhiều bất đồng trong cuộc sống, nhiều xung đột, mâu thuẫn không thể hàn

gắn khiến cuộc sống hôn nhân vô cùng áp lực nên không có hạnh phúc. Anh D1 và chị N đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay.

Nay anh D1 xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Anh Dũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

- **Về con chung:** Anh D1 xác nhận anh và chị N có 01 con chung là: cháu Nguyễn Cao Kim N1, sinh ngày 12/02/2020. Ly hôn, anh D1 có nguyện vọng giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dũng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):**

+ **Động sản:** Anh D1 khai vợ chồng có bất động sản chung là 1,6 cây vàng 99,99% là vàng mừng cưới do gia đình hai bên tặng cho trong ngày cưới, số vàng này đang do mẹ chị N là bà Hoàng Thị N2 giữ hộ. Anh Dũng đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số vàng này.

Anh Dũng không yêu cầu Tòa án định giá trị giá số vàng trên, anh nhất trí 01 chỉ vàng nhẫn SJS theo công bố ngày 07/3/2025 có giá là 9.070.000 đồng/ 1 chỉ.

+ **Bất động sản:** Anh Dũng xác nhận vợ chồng không có bất động sản chung.

- **Vay nợ chung:** Anh D1 khai anh có vay mẹ anh là bà Tuyết Y số tiền 200.000.000 đồng vào năm 2021. Có giấy tờ vay tiền anh D1 ký. Việc vay nợ này để phục vụ cho việc sửa quán café, anh đề nghị Tòa án giải quyết xác nhận khoản vay 200.000.000 đồng của bà Tuyết Y là khoản nợ chung của vợ chồng.

- Về án phí: Anh Dũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngoài những yêu cầu trên, anh D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

* **Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa bị đơn chị Cao Thu N trình bày:** Chị xác nhận thời gian kết hôn, chung sống vợ chồng như anh D1 khai là đúng.

Quá trình chung vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị và anh D1 có nhiều bất đồng và xung đột, mâu thuẫn không thể hàn gắn khiến cuộc sống hôn nhân vô cùng áp lực nên không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay.

Nay anh D1 nộp đơn khởi kiện xin ly hôn chị N, chị N cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N và anh D1 được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị N xác nhận chị và anh D1 có 01 con chung là: cháu Nguyễn Cao Kim N1 (nữ), sinh ngày 12/02/2020. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1. Anh Dũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng chị N đồng ý.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):**

+ **Động sản:** 1,6 cây vàng 99,99% anh D1 khai là tài sản chung của vợ chồng có nguồn gốc như sau: Số vàng trên được hai bên gia đình tặng cho chị và anh D1 trong ngày cưới, 01 cây vàng là do mẹ đẻ chị N (bà Hoàng Thị N2) tặng cho riêng chị

N; bà Cao Lan H (cô ruột của chị N) cho chị N 01 nhẫn 01 chỉ vàng; bà Nguyễn Thị Tuyết Y (mẹ chồng chị N) cho chị N 01 kiềng 3 chỉ vàng; bà ngoại anh D1 cho mỗi người 01 nhẫn 01 chỉ vàng. Hiện tại số vàng này chị N đang quản lý.

Chị N có ý kiến số vàng trên đều là trang sức nữ được hai bên gia đình trao tặng riêng cho chị nên chị không đồng ý chia.

+ **Bất động sản:** Chị N xác nhận chị và anh D1 không có bất động sản chung.

- **Về nợ chung:** Chị N xác nhận giữa chị và anh D1 không có vay nợ chung. Anh chị không vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của bà Y như anh D1 trình bày. Chị N cho rằng Giấy vay tiền năm 2021 là do anh D1 và bà Y tự viết và tự ký với nhau, chị N không hề biết và không liên quan đến việc viết và ký Giấy vay tiền này, nếu có chuyện vay nợ thì cũng là vay nợ riêng giữa anh D1 và bà Y. Chị N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu giải quyết vay nợ chung mà anh D1 trình bày.

Về lệ phí: Chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài những yêu cầu trên, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Tuyết Y trình bày: Tháng 10 năm 2021, anh D1 là người hỏi vay bà Y số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà Y rút tiền từ Ngân hàng để đưa cho anh D1 để 02 vợ chồng mở quán café. Thời điểm đó, bà Y và anh D1 tự viết và ký Giấy vay tiền với nhau. Sau khi cho vay, bà Y không nói chuyện vay tiền với chị N. Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu anh D1 chị N phải có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), bà Y không yêu cầu anh D1 chị N phải trả lãi của số tiền này. Ngày 24/12/2024 Tòa án ra thông báo cho bà Y nộp tạm ứng án phí yêu cầu độc lập, ngày 23/01/2025 bà Y có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Anh Dũng đề nghị Tòa án giải quyết xác nhận số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) anh vay của bà Y là nợ chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh và chị N cùng có trách nhiệm trả cho bà Y, bà cũng nhất trí.

Tại phiên tòa: Anh Dũng, chị N giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho cho anh chị, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh D1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Động sản: Anh Dũng có ý kiến trong số 1,6 cây vàng 99,99% mẹ anh cho 03 chỉ, bà ngoại anh cho 02 chỉ, anh yêu cầu chị N thanh toán trả cho anh 05 chỉ, còn 01 cây vàng mẹ chị N tặng và 01 chỉ cô chị N tặng thì chị N được hưởng số vàng này. Chị N có ý kiến trong khi dịch bệnh chị đã bán bớt đi một số vàng để chi tiêu, nay anh D1 đề nghị chị trả lại cho anh 05 chỉ vàng chị nhất trí nhưng chị xin được trả dần.

Anh Dũng, chị N không yêu cầu Tòa án định giá trị giá số vàng trên, anh D1, chị N nhất trí số vàng chị N đang quản lý là vàng trang sức SJC 99,99% có trị giá theo công bố ngày 07/3/2025 thì 01 chỉ vàng SJC 99,99% có trị giá là 9.070.000 đồng/ 1 chỉ.

Về động sản: Chị N, anh D1 xác nhận không có bất động sản chung.

Anh Dũng, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án xác nhận khoản 200.000.000 đồng là khoản nợ chung của chị N, anh D1 với bà Y và đề nghị Chị N, anh D1 có trách nhiệm trả cho bà Y, chị N không đồng ý với yêu cầu của anh D1, bà Y. Chị N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh D1 và bà Y.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn D và chị Cao Thu N. Về con chung: Xác nhận chị N, anh D có 01 con chung là Nguyễn Cao Kim N1, sinh ngày 12/02/2020. Giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Xác nhận chị Cao Thu N và anh Nguyễn Tuấn D có tài sản chung là 1,6 cây vàng 99,99%. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D chỉ yêu cầu chị N thanh toán 05 chỉ vàng 99,99%, chị N được hưởng 1,1 cây vàng 99,99%. Chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh D 05 chỉ vàng 99,99% có trị giá là: 45.350.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của anh D xác nhận khoản vay 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Tuyết Y là nợ chung của vợ chồng, xác nhận đây là nợ riêng của anh D nên anh D phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết Y. Anh Dũng phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản, án phí không được chấp nhận yêu cầu xác nhận khoản nợ chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là chị Cao Thu N. Chị N có nơi cư trú tại Số B ngách C ngõ A T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1].**Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Tuấn D và chị Cao Thu N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường M, quận H, thành phố Hà Nội chứng nhận kết hôn ngày 27 tháng 12 năm 2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 107. Hôn nhân của anh D, chị N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án anh D, chị N xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, vợ chồng đã sống

ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh D có đơn xin ly hôn chị N cũng nhất trí thuận tình ly hôn cùng anh D nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn D và chị Cao Thu N là phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

[2]. **Về nuôi con chung:** Anh Dũng chị N xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Cao Kim N1 (nữ), sinh ngày 12/02/2020. Ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi cháu N1, anh D nhất trí để chị N trực tiếp nuôi cháu N1, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N1 2.000.000 đồng/ 1 tháng, chị N nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con của anh D. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi của anh D, chị N nên ghi nhận. Giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Cao Kim N1 và ghi nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi cháu Ngân hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về chia tài sản chung** (động sản và bất động sản):

+ Động sản: Anh D1 khai vợ chồng có bất động sản chung là 1,6 cây vàng 99,99% (loại vàng trang sức), đây là vàng do người thân của chị N, anh D1 tặng cho anh chị trong ngày cưới để làm vốn. Chị N thì cho rằng số vàng trên trong đó mẹ chị (bà N2) tặng cho riêng chị 01 cây vàng, số còn lại là mẹ anh D1 (bà Y) cho 03 chỉ, bà N3 anh D1 cho 02 chỉ, cô ruột chị N cho 01 chỉ.

Bà Hoàng Thị N2 có ý kiến 01 cây vàng bà tặng cho chị N trong ngày cưới là bà tặng riêng cho chị N làm của hồi môn phòng lúc chị N ốm đau hay sinh con.

Quá trình giải quyết vụ án chị N không đồng ý xác nhận số vàng trên là tài chung của vợ chồng, chị N cho rằng số vàng được tặng trong ngày cưới đều là trang sức nữ nên là tặng riêng cho chị nên chị không đồng ý xác nhận là tài sản chung vợ chồng để chia theo yêu cầu của anh D1. Tại phiên Tòa anh D1 có ý kiến anh chỉ đề nghị chị N trao trả lại cho anh 05 chỉ vàng 99,99 % do mẹ anh bà Y và bà ngoại anh tặng cho, còn 01 cây vàng do mẹ chị N trao tặng và 01 chỉ vàng cô chị N trao tặng là của chị N. Chị N đồng ý với yêu cầu của anh D1, nhưng chị xin được trả dần số vàng trên cho anh D1. Anh Dũng, chị N đều nhất trí giá 01 chỉ vàng 99,99% là: 9.070.000 đồng/ 01 chỉ. Xét, đây là sự tự nguyện của anh D1, chị N nên buộc chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh D1 05 (năm) chỉ vàng 99,99% có trị giá là: (05 chỉ x 9.070.000 đồng/ 01 chỉ = 45.350.000 đồng).

+ Bất động sản: Anh Dũng, chị N xác nhận không có bất động sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. **Về nợ:** Anh D1 khai vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị Tuyết Y (mẹ đẻ anh D1) 200.000.000 đồng để mở quán kinh doanh. Số tiền trên trước khi vay anh có nói với chị N, chị N có ý kiến việc anh D1 vay bà Y số tiền 200.000.000 đồng chị hoàn toàn không biết, anh D1 vay chi tiêu vào việc gì chị hoàn toàn không rõ, chị không có liên quan gì đến khoản vay của anh D1. Bà Y có ý kiến việc bà cho anh D1 vay số tiền trên bà không nói với chị N bà chỉ biết khi anh D1 hỏi vay bà số tiền trên anh D1 nói vay để mở quán C.

Theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình: Khoản 1 quy định: “Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập...”...và tại

khoản 2 quy định: “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Giấy vay tiền ngày 02/10/2021 do anh D1 ký vay với bà Nguyễn Thị Tuyết Y, bà Y xác nhận khi cho anh D1 vay số tiền trên bà không nói cho chị N biết bà chỉ nghe anh D1 nói anh D1 đã trao đổi với chị N rồi. Chị N khai hoàn toàn không biết việc vay nợ giữa anh D1 với bà Y như vậy là khớp với việc bà Y khai khi cho anh D1 vay số tiền trên bà không nói cho chị N biết. Giấy vay nợ ngày 02/10/2021 được ký giữa bà Y và anh D1 không phải là giao dịch do chị N, anh D1 cùng xác lập, mặt khác anh D1 không chứng minh được việc anh vay số tiền trên để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nêu trên giao dịch vay tiền giữa bà Y và D1 không làm phát sinh nghĩa

vụ chung của anh D1, chị N đối với bà Y. Vì vậy, yêu cầu của anh D1, bà Y đề nghị Tòa án xác nhận khoản vay 200.000.000 đồng tại giấy vay nợ ngày 02/10/2021 là khoản nợ chung của anh D1, chị N và yêu cầu chị N có trách nhiệm cùng anh D1 trả khoản nợ trên cho bà Y là không có căn cứ chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Anh Dũng phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm; án phí cấp dưỡng nuôi con; án phí chia tài sản chung và án phí không được chấp nhận yêu cầu xác nhận khoản nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Chị N phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 55, 33, 37, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn D và chị Cao Thu N.

2. Về nuôi con chung: Xác nhận anh D, chị N có 01 con chung là Nguyễn Cao Kim N1 (nữ), sinh ngày 12/02/2020. Giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Cao Kim N1, ghi nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi cháu Ngân hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng /01 tháng. Việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi cháu N1 trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh Nguyễn Tuấn D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về chia tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):

+ Động sản: Xác nhận anh Nguyễn Tuấn D và chị Cao Thu N có động sản chung là 1,6 cây vàng 99,99% có trị giá là: **145.120.000 đồng** do chị Cao Thu N đang quản lí. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N anh D chia cho anh D được sở hữu 05 chỉ vàng 99,99% có trị giá 45.350.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), chia cho chị N được sở hữu 1,1 cây vàng 99,99% có trị giá 99.770.000 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Buộc chị N phải trả cho anh D 05 chỉ vàng 99,99% có trị giá 45.350.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền phải thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chậm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Bất động sản: Anh Dũng, chị N không có bất động sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tuấn D đề nghị Tòa án xác nhận khoản nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) anh Nguyễn Tuấn D ký giấy vay của bà Nguyễn Thị Tuyết Y là khoản nợ chung của anh D, chị N nên ý kiến của bà Y buộc chị N phải có trách nhiệm cùng anh D trả bà số tiền 200.000.000 đồng là không có căn cứ để xem xét.

5. Về án phí: Anh Dũng phải chịu 75.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm; 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; 2.267.500 đồng án phí chia tài sản chung và 5.000.000 đồng án phí không được chấp nhận yêu cầu xác nhận khoản nợ chung của vợ chồng. Tổng án phí anh D phải chịu là 7.492.500 đồng (Bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng). Anh D1 đã nộp 8.612.000 đồng (Tám triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0065170 ngày 16/10/2024. Đối trừ với số tiền án phí anh D1 phải nộp anh D1 được nhận lại số tiền 1.119.500 đồng (Một triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng).

Chị N phải chịu 75.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm và 4.988.500 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng án phí chị N phải chịu là: 5.063.500 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng) (chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh D1, chị N, bà Y. Anh Dũng, chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bà Y được quyền

kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh.
- VKSND quĩn 5.
- THA quận 5.
- 5-ng sũ.
- UBND phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phan Anh

Lê Bá Lung

Đặng Thị Hương

